

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN U MINH THƯỢNG Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám
2. Bà Võ Cẩm Tú

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Chúc L, sinh năm 1997. Có mặt
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1996 Vắng mặt
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/05/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đặng Thị Chúc L trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Công N tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND

xã V, huyện U tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/3/2021, quá trình chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, có một lần anh N đánh tôi, đến cuối năm 2022 thì chúng tôi sống ly thân cho đến nay. Tôi xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Công N.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi không có con chung.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Anh Nguyễn Công N không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đặng Thị Chúc L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Công N. Đây là tranh chấp việc ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Công N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Nguyễn Công N vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Công N và chị Đặng Thị Chúc L tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2021 tại UBND xã V, huyện U tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L cho rằng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh N có lần đánh chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị L là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải tạo điều kiện góp ý trao đổi, sửa chữa sai lầm khuyết điểm để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho chị L được ly hôn với anh N là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Chị L và anh N không có con chung, nên miễn xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ: Theo chị L vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán – Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đặng Thị Chúc L được ly hôn với anh Nguyễn Công N, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị L được khấu trừ án phí tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000556 ngày 19/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Điều; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Chúc L.

1 Cho chị Đặng Thị Chúc L được ly hôn với anh Nguyễn Công N

2. Về con chung: Chị L và anh N không có con chung, nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ: Theo chị L vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nào có tranh chấp về tài sản, nợ, thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Đặng Thị Chúc L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị L được khấu trừ án phí tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000556 ngày

19/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị L không phải nộp thêm.

Báo cho chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (Niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát NI;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hồ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*

- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu: Hồ sơ.*

Nguyễn Tấn Lợi